UBND Phường 4

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCHPHƯỜNG 4 QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**7.760.634.000**	**235.973.000**	**7.524.661.000**	**6.212.580.705**	**169.061.000**	**6.043.519.705**	**80,05**	**71,64**	**80,32**
	Trong đó:									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	14.312.268.000	235.973.000	7.524.661.000	6.043.519.705		6.043.519.705	**42,23**		**80,32**
I	Chi đầu tư phát triển (1)	235.973.000	235.973.000		169.061.000	169.061.000			**71,64**	
II	Chi thường xuyên	7.431.016.000		7.431.016.000	6.034.503.705		6.034.503.705	**81,21**		**81,21**
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	486.550.000		486.550.000	533.437.042		533.437.042	**109,64**		**109,64**
2	Chi sự nghiệp giáo dục	302.832.000		302.832.000	156.839.600		156.839.600	**51,79**		**51,79**
3	Chi sự nghiệp y tế									
4	Sự nghiệp văn hoá, thể thao	70.000.000		70.000.000	25.584.000		25.584.000	**36,55**		**36,55**
5	Sự nghiệp truyền thanh	20.000.000		20.000.000	9.042.000		9.042.000	**45,21**		**45,21**
6	Sự nghiệp kinh tế									
7	Sự nghiệp xã hội	2.379.280.000		2.379.280.000	1.760.520.000		1.760.520.000	**73,99**		**73,99**
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.172.354.000		4.172.354.000	3.549.081.063		3.549.081.063	**85,06**		**85,06**
III	Dự phòng	93.645.000		93.645.000	9.016.000		9.016.000	**9,63**		**9,63**
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có)									
B	Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc									